

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2020/DS-PT

Ngày: 30 - 11 - 2020

*V/v “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 212/2020/DSPT ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2020/QĐ-PT ngày 16/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y B Niê (tức A B); địa chỉ: Làng P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông A B1 Niê; địa chỉ: Buôn H B, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà H' L Niê, bà H' L1 Niê và bà H' L2 Niê

Cùng địa chỉ: Buôn M, thôn 5, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà H' L Niê theo Quyết định của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đăk Lăk: Ông Nguyễn Tiên T – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư Đăk Lăk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà H' L1 Niê và bà H' L2 Niê theo Quyết định của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk: Bà H' M Mlô – Trợ giúp viên pháp lý (có đơn xin xét xử vắng mặt, có gửi Bản luận cứ và được bà H' L1 Niê và bà H' L2 Niê đồng ý).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn L4; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.2. Ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

3.3. Ông Y N Niê; địa chỉ: Buôn M, thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Hoài A – Chủ tịch UBND huyện K, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện K; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện K:

- Ông Lê Ngọc T1 - Phó trưởng phòng TNMT huyện K, có mặt.

- Ông La Thanh H1 – Chuyên viên phòng TNMT huyện K, vắng mặt.

3.5. Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Biên T2; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông A B1 Niê – Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông A B1 Niê trình bày:

Trước đây ông Y B Niê (tức A B) cư trú tại xã E. Năm 1990, ông Y S1 Niê (Là cậu ruột của ông Y B Niê, nay đã chết), có tặng cho ông Y B Niê 01 thửa đất để canh tác. Việc tặng cho chỉ nói bằng miệng với nhau, không viết giấy tờ gì, ông đã làm thủ tục kê khai và được cấp quyền sử dụng đất số A 954988 mang tên A B (Do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 04/5/1994). Lô đất thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12, diện tích được cấp quyền sử dụng đất là 4.525m², diện tích thực tế là khoảng 7.000m². Mặc dù được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông Y B không biết và chưa nhận được giấy chứng nhận này. Đến năm 1996 ông Y B Niê chuyển sang tỉnh Kon Tum sinh sống. Khi đi ông không chuyển nhượng đất, cũng không giao cho ai quản lý, sử dụng.

Đến năm 1997 ông Y B Niê về xã E, huyện K, Đắk Lắk thì được biết lô đất nêu trên đã bị ông Y P Mlô chuyển nhượng cho ông Trần Văn L4. Khi biết được lô đất của mình bị ông Y P Niê chuyển nhượng cho người khác thì ông Y B Niê không nói gì mà tiếp tục quay trở về tỉnh Kon Tum để sinh sống từ đó cho đến nay.

Hiện nay, phần thửa đất nêu trên ông Trần Văn L4 đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H. Ông S và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12 được cấp quyền sử dụng đất số A 954988 mang tên A B tức là đất của ông Y B Niê, nhưng ông Y P Niê đã tự ý chuyển nhượng cho người khác. Nay ông Y P đã chết, ông Y B yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trịnh Công S, Nguyễn Thị H và buộc các con đẻ của ông Y P là bà H L Niê, bà H L1 Niê và bà H L2 Niê trả lại diện tích đất 4.525m² cho ông Y B Niê (diện tích thực tế khoảng 7.000m²). Nếu có người khác tạo dựng tài sản trên đất thì phải tháo dỡ, di dời.

- *Quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà H L Niê, bà H L1 Niê, bà H L2 Niê và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn cùng trình bày:*

Bà H' L Niê, bà H' L1 Niê và bà H' L2 Niê là chị em ruột với nhau và là con ruột của ông Y P Mlô (đã chết năm 2011) và bà H' B1 Niê (đã mất năm 2017), còn Y B Niê có quan hệ họ hàng.

Theo các bà được biết, trước đây ông Y P có cho Y B một số đất để canh tác, nhưng sau đó ông Y B chuyển sang tỉnh Kon Tum sinh sống và không sử dụng đất nữa. Còn việc ông Y P Mlô có chuyển nhượng đất của ông Y B cho người khác hay không thì các bà biết, nếu ông Y P chuyển nhượng đất của Y B cho người khác thì cũng không liên quan gì đến các bà, các bà cũng không biết thửa đất đó ở đâu, các bà không được hưởng quyền lợi gì từ việc ông Y P chuyển nhượng đất, các bà đã lập gia đình riêng và không chung sống với ông Y P, bà H' B1 nữa. Khi ông Y P còn sống thì ông Y B không có ý kiến gì. Nay ông Y P đã chết, ông Y B kiện các bà là không đúng. Vì vậy, việc ông Y B Niê khởi kiện yêu cầu các bà trả lại thửa đất có diện tích 4.525m² (diện tích thực tế khoảng 7.000m²) thì các bà không chấp nhận và cũng không đất để trả lại. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho các bà.

*** Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- *Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện K, ông Trần Minh T trình bày:*

Vào năm 1994 Ủy ban nhân dân huyện K đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 ngày 04/4/1994 mang tên A B cho ông Y B Niê, đối

với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12 diện tích 4.525m². Tuy nhiên tại thời điểm ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thì ông Y B đã đi khỏi địa phương, Y B không nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không quản lý, sử dụng diện tích đất được cấp quyền sử dụng đất.

Năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 267139, đối với thửa đất số 04 tờ bản đồ số 32, diện tích 8.000m² cho hộ ông Trần Văn L4. Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12 diện tích 4.525m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 mang tên A B và thửa đất số 04 tờ bản đồ số 32, diện tích 8.000m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 267139 mang tên Trần Văn L4 là cùng một vị trí thửa đất. Lý do diện tích thửa đất tại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự chênh lệch là vì khi cấp quyền sử dụng đất cho ông L4 thì cơ quan chuyên môn đã căn cứ vào diện tích thực tế hộ ông L4 đang sử dụng để cấp quyền sử dụng đất.

Lý do UBND huyện K đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Y B, nhưng sau đó lại cấp quyền sử dụng đất cho ông L4 là vì tại thời điểm làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông L4 thì ông Y B không còn sử dụng đất và đã đi khỏi địa phương. Thiếu sót của UBND huyện K là trước khi cấp quyền sử dụng đất cho ông L4 đã không làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 mang tên A B theo quy định của luật Đất đai.

Do ông Y B không còn sử dụng đất và đã đi khỏi địa phương, đất đã cấp quyền sử dụng đất cho người khác. Mặt khác, thửa đất nêu trên đã hết thời hạn sử dụng vào năm 2014, căn cứ vào hồ sơ đề nghị của UBND xã E, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 mang tên A B.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Y B đã bị thu hồi, đất đã được cấp quyền sử dụng cho người khác; trình tự cấp, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất nêu trên được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hiện nay ông Y B không có quyền và nghĩa vụ gì đối với thửa đất đã được cấp quyền sử dụng năm 1994. Cho nên việc ông Y B cho rằng thửa đất trên vẫn thuộc quyền sử dụng của mình, yêu cầu người sử dụng đất hiện tại trả lại đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trịnh Công S và Nguyễn Thị H là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y B.

- Ông Trịnh Công S trình bày:

Vào năm 2009 ông và vợ là Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn L4 01 lô đất diện tích 8.000m², thửa đất số 04 tờ bản đồ số 32 có giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất V 267139, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/12/2002, mang tên Trần Văn L4, địa chỉ thửa đất tại Buôn M, xã E, huyện K. Việc nhận chuyển nhượng đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 680092 ngày 06/10/2009, mang tên ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông sử dụng ổn định cho đến nay, không tranh chấp với ai. Nay ông Y B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông, yêu cầu các bị đơn trả lại lô đất mà vợ chồng ông đang sử dụng là không đúng pháp luật. Hiện nay, thửa đất này đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng.

- Ông Trần Văn L4 trình bày:

Ông đồng ý với ý kiến trình bày của ông Trịnh Công S, cụ thể vào năm 1998 ông có nhận chuyển nhượng đất từ ông Y P Mlô và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2009 thì ông chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông Trịnh Công S. Nay ông ông Y B Niê khởi kiện thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Y B Niê.

- Đại diện Ngân hàng cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch K, ông Phan Biên T2 trình bày:

Hiện nay, ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H đang vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch K số tiền là 200.000.000đ. Tài sản thế chấp để vay tiền là Quyền sử dụng đất số AN 680092 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/10/2009, mang tên ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/728006/HĐBĐ ngày 16/4/2015. Việc Ngân hàng và ông S, bà H ký kết hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc tranh chấp giữa ông Y B với các bị đơn không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 22; Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 176, 196, 249 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 170, 171, 190, 191 và 249 Bộ luật dân sự 2005; Điều 20 Luật đất đai 1993; các Điều 38, 68 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Án lệ số 33/2020/AL, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 05/02/2020 và được công bố theo Quyết định 50/QĐ-CA ngày 25/02/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y B Niê về việc:

- Đòi lại tài sản là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 ngày 04/5/1994 mang tên A B, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.525m², diện tích thực tế là 8.000m².

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 680092 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/10/2009, mang tên ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông A B1 Niê kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y B Niê.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn là Luật sư Nguyễn Tiến T, Trợ giúp viên pháp lý bà H M Mlô đều giữ nguyên quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn và giữ nguyên quyết định như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Do đơn kháng cáo của phía nguyên đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông A B1 Niê, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông A B1 Niê, nhận thấy:

[1] Ngày 04/5/1994, ông Y B Niê được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 đối với diện tích đất 4.525m²; theo xác nhận của chính quyền địa

phương về quá trình sử dụng đất, ông Y B không quản lý, sử dụng và cũng không thực hiện nghĩa vụ, không ủy quyền cho người khác sử dụng đất đối với thửa đất này mà chuyển sang tỉnh Kon Tum sinh sống từ năm 1996 thì coi như ông Y B từ bỏ quyền sử dụng đất của mình, đến năm 1997 ông Y B Niê về xã E, huyện K thì được biết thửa đất nêu trên đã bị ông Y P Mlô (đã mất vào năm 2011) chuyển nhượng cho ông Trần Văn L4. Khi biết được diện tích đất của mình bị ông Y P Mlô chuyển nhượng cho người khác thì ông Y B Niê không ý kiến gì mà tiếp tục quay trở về Kom Tum để sinh sống từ đó đến nay.

[2] Vào năm 2002, ông Trần Văn L4 làm thủ tục kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V267139 ngày 27/12/2002 đối với thửa đất nêu trên, thủ tục cấp quyền sử dụng đất này được niêm yết công khai và không có ai khiếu nại. Đến năm 2009 ông L4 tiếp tục chuyển nhượng thửa đất này cho ông Trịnh Công S, bà Nguyễn Thị H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 680092 ngày 06/10/2009, quá trình quản lý, sử dụng thửa đất, ông S bà H có cải tạo, trồng mới nhiều loại cây lâu năm, xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp.

[3] Các con của ông Y P là bà H' L Niê, bà H' L1 Niê và bà H' L2 Niê không biết việc ông Y P lấy đất đã được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Y B và chuyển nhượng đất này cho ông Trần Văn L4 và cũng không biết thửa đất này ở đâu, số tiền ông Y P chuyển nhượng đất nêu trên thì các bà H' L Niê, bà H' L1 Niê và bà H' L2 Niê không biết, không được sử dụng. Mặt khác, tại thời điểm đó, các bà đã lập gia đình và không chung sống với bố là ông Y P nữa nên các bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với thửa đất đó.

[4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 do Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp cho ông A B (tức ông Y B Niê) vào năm 1994 đã được UBND huyện K ra Quyết định thu hồi số 633/QĐ-UBND vào ngày 24/3/2014 nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 không còn giá trị pháp lý.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AN 680092 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/10/2009 cho ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H thì hiện nay thửa đất này ông S, bà H đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch K.

[5] Do không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y B Niê về việc đòi lại tài sản là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 ngày 04/5/1994 mang tên A B, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.525m², diện tích thực tế là 8.000m² và hiện nay do vợ chồng ông S đang quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét

đến yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 680092 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/10/2009, mang tên ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên bác yêu cầu này của ông Y B Niê là không đúng thẩm quyền, mà nếu có căn cứ cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện K cho ông S, bà H là không đúng thì Tòa án cấp sơ thẩm có quyền kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện K để thu hồi, cấp lại theo quy định của luật Đất đai.

Từ những nhận định [1], [2], [3], [4], [5] nêu trên, xét thấy đơn khởi kiện của ông Y B Niê yêu cầu bà H' L Niê, bà H' L1 Niê và bà H' L2 Niê trả lại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12 mà ông Y B cho rằng ông Y P đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn L4 và ông L4 đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Công S, bà Nguyễn Thị H, đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 680092 mà Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/10/2009, mang tên ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ nên không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông A B1 Niê phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của ông A B1 Niê; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 22; Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 176, 196, 249 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 170, 171, 190, 191 và 249 Bộ luật dân sự 2005; Điều 20 Luật đất đai 1993; các Điều 38, 68 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y B Niê (A B) về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 954988 ngày 04/5/1994 mang tên A B, với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.525m², diện tích thực tế là 8.000m²;

2. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 680092 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/10/2009 cho ông Trịnh Công S và bà Nguyễn Thị H

do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của ông Y B Niê nên không xem xét.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Y B Niê phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm ngàn đồng) và ông Y B Niê đã nộp đủ số tiền này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Y B Niê phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) do ông A B1 Niê (nộp thay cho ông Y B Niê) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2019/0002795 ngày 12/12/2019.

Như vậy, hoàn trả lại cho ông Y B Niê 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông A B1 Niê phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông A B1 Niê đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009319 ngày 10/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục T.H.A.DS huyện K;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr